

## 5.1- SIÊU CƯỜNG CHẮC CHẮN

*Tại sao chắc chắn Trung Quốc sẽ thống trị ?*

*(The inevitable superpower)*

**Arvid Subramanian**

*Foreign Affairs, Sept/Oct 2012*

Đối với người vay nợ, người cho vay có vẻ giống như một tên độc tài. Các chính phủ có khó khăn về tài chính thường quay qua Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) để vay mượn, và hành động theo sự yêu cầu của các chủ nợ lớn. IMF thường áp đặt các điều kiện chặt chẽ đối với nước vay nợ. Sau cuộc khủng hoảng Á Châu cuối những năm 1990, Mickey Kantor, đại diện thương mại của chính quyền Clinton, đã gọi tổ chức này là một “ dàn trọng pháo ”, vì nó đã mở cửa được thị trường Á Châu cho hàng hóa của Mỹ. Trong cuộc khủng hoảng kênh đào Suez vào năm 1956, nước Mỹ đã đe dọa sẽ ngưng cung cấp tài chính cho nước Anh, nếu người Anh không rút hết lực lượng khỏi kênh đào Suez. Harold Mac Millan, lúc đó làm Thủ tướng, đã phải chứng kiến giai đoạn cuối cùng đầy tủi hổ của cuộc khủng hoảng, về sau đã gọi đó là “ *sự níu kéo cuối cùng của một cường quốc đang suy tàn* ”. Ông còn nói thêm : “ *Biết đâu 200 năm nữa, nước Mỹ sẽ cảm nhận những điều mà chúng ta cảm nhận hôm nay* ”.

Liệu thời kỳ đó đang đến không ? Với Trung Quốc đang nỗ lực chiếm lại uy quyền của nước Mỹ ? Đó là câu hỏi chính. Tuy nhiên tại Mỹ, người ta vẫn chưa coi câu hỏi này là nghiêm túc. Tại đây, người ta vẫn chưa còn quan niệm chủ yếu như thế này : tính ưu việt của nền kinh tế Mỹ không thể bị đe dọa nghiêm trọng được, vì chính nước Mỹ hiện đang thua cuộc, và sớm hay muộn, nước Mỹ sẽ vươn lên để khỏi phải thua cuộc. Trung Quốc có thể đang trên đường biến thành một siêu cường kinh tế, và có lẽ nước Mỹ phải nhường một phần ảnh hưởng cho họ trên trường quốc tế. Nhưng, họ lý luận tiếp, mối đe dọa từ Trung Quốc không rõ rệt, không lớn lắm, và không có đủ trên mọi phương diện để có thể thay thế vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ.

Như thế, trong cuốn sách về lịch sử gần đây của những đồng tiền được dùng làm dự trữ, kinh tế gia Barry Eichengreen đã kết luận (1) : “ *Điều tốt lành là, vận mạng của đồng đô la nằm trong tay chúng ta, chứ không phải nằm trong tay người Trung Quốc* ” và vào tháng 12-2010, Laurent Summer, lúc đó vừa từ chức cố vấn kinh tế quốc gia của Tổng thống Barrack Obama, đã nói : “ *Những tiên đoán về sự suy tàn của nước Mỹ cũng già cỗi như lịch sử của nước Cộng hòa này. Nhưng nó có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự đổi mới cần phải có cho mỗi thế hệ người Mỹ. Tôi cam kết với quý vị là khi nào chúng ta còn lo lắng cho tương lai, tương lai sẽ tốt hơn. Chúng ta có những thách thức. Nhưng chúng ta có một xã hội rất mềm dẻo, năng động và biết kinh doanh mà thế giới chưa bao giờ có. Nói cách khác, Hoa Kỳ có thể lập lại trật tự trong nhà của mình, nó có thể đối phó được với mối đe dọa từ Trung Quốc.*

*Nhưng những quan điểm này đã đánh giá thấp khả năng Trung Quốc trở nên một nền kinh tế thống trị thế giới trong 20 năm nữa. Và nó cho thấy nhãn quan một chiều và tự kỷ của người Mỹ : sự thống trị thế giới sẽ được định hình bởi hành động của người Mỹ, chứ không phải bởi hành động của người Trung Quốc. Thực tế, kết quả của cuộc chạy đua này sẽ không do Trung Quốc định đoạt ”.*

### **Thế giới vào năm 2030.**

Nói một cách rộng rãi, sự thống trị kinh tế là khả năng của một Nhà nước có thể sử dụng các phương tiện kinh tế để khiến cho các quốc gia khác phải làm những điều họ muốn, hoặc ngăn ngừa các quốc gia này không làm những điều mà họ không muốn. Các phương tiện này bao gồm kích cỡ của nền kinh tế, của thương mại và sức khỏe tài chính ở trong nước cũng như ở ngoài nước, sức mạnh quân sự, sức năng động công nghệ, và quy chế quốc tế của đồng tiền quốc gia. Cuốn sách sắp tới của tôi sẽ trình bày một *chỉ số thống trị*, bao gồm ba nhân tố chính : GDP của quốc gia đó, nền thương mại của nó (hoặc số đo xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa), và tầm mức vai trò người cho vay tiền cho phần còn lại của thế giới.

GDP là con số đáng kể, vì nó cho thấy toàn bộ nguồn lực của một quốc gia có thể tập trung để đối phó những đối thủ tiềm năng. Thương mại, nhất là nhập khẩu, cho thấy một quốc gia có thể sử dụng hoạt động này làm sức mạnh đòn bẩy để chấp nhận hay từ chối các quốc gia khác đi vào thị trường của họ. Và vai trò một nhà tài phiệt lớn sẽ tạo ra ảnh hưởng lớn trên các nước khác đang cần tới vốn, nhất là trong các thời kỳ khủng hoảng. Không có tiêu chuẩn nào về vai trò thống trị chính xác hơn ba tiêu chuẩn kể trên. Các tiêu chuẩn khác chỉ mang tính chất phát sinh : ví dụ, sức mạnh quân sự (tùy thuộc vào sức khỏe và tầm vóc của nền kinh tế trong dài hạn), tính chất ngoại biên (sự ngự trị của đồng tiền quốc gia), hoặc những nhân tố khó lòng đo được chuẩn xác giữa các quốc gia (sức mạnh tài khóa).

Tôi đã tính toán các chỉ số này từ năm 1870 (tập trung vào Vương quốc Thống Nhất Anh và vị trí kinh tế Mỹ thời đó), và dự phóng các chỉ số này tới năm 2033 (tập trung vào vị trí kinh tế Mỹ và Trung Quốc). Sự dự phóng này dựa vào những giả định khá bảo thủ về sự tăng trưởng tương lai của Trung Quốc, ghi nhận là Trung Quốc phải đối phó với nhiều thách thức quan trọng khi tiến lên phía trước. Để tạm hiểu, dân số Trung Quốc sẽ bắt đầu già đi vào các thập kỷ tới, và nền kinh tế của họ bị biến dạng trên nhiều phương diện : tiền vốn quá rẻ sẽ dẫn tới đầu tư thái quá ; tỷ giá đồng tiền bị định giá quá thấp, dẫn tới sự phát triển thái quá của xuất khẩu. Và năng lượng được Nhà nước trợ cấp, dẫn tới việc sử dụng không hiệu quả và ô nhiễm môi trường. Để sửa chữa những biến dạng này rất tốn kém. Nếu tính cả những phí tổn này, tôi dự đoán tăng trưởng của Trung Quốc sẽ giảm đáng kể : nó sẽ nằm ở mức 7% mỗi năm, trong vòng 20 năm tới, so với mức 11% mỗi năm trong thập niên vừa qua. Lịch sử đã chứng minh là có nhiều nền kinh tế (Đức, Nhật, Singapore, Đại Hàn và Đài Loan) đã tăng trưởng theo mức độ tôi dự đoán cho Trung Quốc sau khi chúng đã đạt tới mức phát triển hiện nay của Trung Quốc. Cùng lúc, tôi giả định kinh tế Mỹ tăng trưởng 2.5% mỗi năm, như nó đã thực hiện được trong suốt 30 năm qua. Điều này hơi lạc quan một chút so với sự ước tính của Văn phòng Ngân sách Quốc hội Mỹ là 2.2% mỗi năm. Dự báo của Văn phòng này đôi khi thấp hơn vì ảnh hưởng của tiền nợ công và tư, và số thất nghiệp cao ở Mỹ.

Kết quả của sự phân tích của tôi là vào năm 2030, sự suy tàn tương đối của nước Mỹ sẽ đưa tới, không phải là một thế giới đa cực, mà là một thế giới hầu như đơn cực với sự thống trị của Trung Quốc. Trung Quốc sẽ chiếm khoảng 20% GDP toàn cầu (một phần tính theo USD và một phần tính theo sức mua tương đối – p.p.p), so với nước Mỹ lúc đó chỉ có dưới 15% GDP toàn cầu. Tới lúc đó, GDP tính theo đầu người ở Trung Quốc khoảng 33.000 USD, tức là khoảng một nửa GDP đầu người của Mỹ. Nói cách khác, Trung Quốc không còn nghèo đói nữa như người ta vẫn nghĩ. Hơn thế nữa, nó sẽ tạo ra 15% khối lượng thương mại toàn cầu – gấp 2 lần của Mỹ. Vào năm 2030, Trung Quốc sẽ có vai trò thống trị dù đo bằng GDP hay bằng khối lượng thương mại. Nó sẽ đứng đầu trên cả hai phương diện này.

Tính theo bảng chỉ số này, sự thăng tiến của Trung Quốc là hiển nhiên. Mặc dù ngày nay GDP của Mỹ lớn hơn Trung Quốc, và mức độ thương mại của hai quốc gia gần bằng nhau, nước Mỹ là một quốc gia mang đầy nợ và dễ bị thương tổn, nó chiếm khoảng 50% số tiền vốn di động trên thế giới. Trong lúc Trung Quốc là một chủ nợ đáng kể cho cả thế giới. Vào năm 2010, sự vượt trội của Mỹ so với Trung Quốc rất mỏng manh : Sự sai biệt trong chỉ số thống trị nằm dưới 1%. Thật ra, nếu người ta cân nhắc các nhân tố này hơi khác đi một chút, nếu dành bớt quan trọng cho tầm vóc nền kinh tế so với thương mại, Trung Quốc đã hơn hẳn Mỹ ngay từ năm 2010.

Sự thăng tiến trong tương lai của Trung Quốc sẽ xảy ra trong nhiều lĩnh vực mà ngày nay người ta chưa kể tới. Nền kinh tế quan trọng sẽ lớn hơn nền kinh tế Mỹ, và lớn hơn bất cứ một nền kinh tế nào khác. Và thương mại và tiền vốn của họ cũng vậy. Đồng nhân dân tệ sẽ là đối thủ đáng gờm của đồng USD trong vai trò tiền dự trữ quốc tế.

Còn gì thêm ? Hố sâu cách biệt giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ còn lớn hơn nhiều so với điều người ta nghĩ. Vào năm 2010, Hội đồng tình báo Trung ương Hoa Kỳ đã đánh giá là vào năm 2025 “ *nước Mỹ vẫn còn là một cường quốc nổi trội, nhưng sự thống trị của Mỹ đã suy giảm rất nhiều* ”. Đó là quá lạc quan. Dự đoán của tôi là vào năm 2030, sự cách biệt giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ sẽ giống như sự cách biệt giữa Hoa Kỳ và các nước cạnh tranh khác vào những năm 1970, thời kỳ cao điểm của bá quyền Hoa Kỳ, và lớn hơn nhiều sự cách biệt giữa Vương quốc Thống nhất Anh và các cường quốc đối thủ vào thời kỳ đỉnh điểm của Đế quốc Anh, năm 1870. Nói tóm lại, sự thống trị kinh tế trong tương lai của Trung Quốc rất rõ rệt, và đều lớn hơn, và đa diện hơn những dự đoán hiện nay.

### **Mạnh như trâu mọng**

Martin Wolf, bình bút của báo *Financial Times* đã sử dụng từ “ *siêu cường để non* ” để mô tả khả năng đặc biệt của Trung Quốc biết tập trung sức mạnh mặc dù còn nghèo. Theo dự đoán của tôi, vào năm 2030, Trung Quốc sẽ không còn nghèo nữa. Mà đúng ra, GDP trên đầu người (theo mãi lực) sẽ lớn hơn một nửa của người Mỹ, và lớn hơn mức GDP tính theo đầu người trung bình của phần còn lại của thế giới. Tuy thế sự thống trị kinh tế của Trung Quốc rất đặc biệt : không giống như trong quá khứ, khi cường quốc thống trị – Vương quốc Thống nhất và Hoa Kỳ – rất giàu so với các cường quốc đối thủ, Trung Quốc sẽ chỉ nằm ở mức cường quốc có thu nhập trung bình hay

trên trung bình một chút. Và liệu một quốc gia có thể trở thành thống soái khi nó không thuộc vào những quốc gia giàu có nhất ?

Có ba lý do đáng tin cậy cho thấy là nó không thể nắm được vai trò đó. Thứ nhất, một quốc gia tương đối nghèo có lẽ phải nín lại niềm hy vọng thăng tiến trên trường quốc tế để có sức giải quyết những khó khăn nội bộ cấp thiết hơn, ví dụ như đạt tới tiêu chuẩn sống cao hơn và ổn định xã hội tốt hơn. Thứ hai, có lẽ nó không đủ sức huy động các nguồn lực để tăng cường sức mạnh hải ngoại. Các khí cụ quân sự cần phải tài trợ, và các quốc gia nghèo sẽ khó đánh thuê người dân hơn là các quốc gia giàu có. Thứ ba, một quốc gia nghèo không thể có ảnh hưởng nhiều ở nước ngoài nếu nó không có quyền lực mềm, ví dụ như dân chủ, xã hội mở, hay các giá trị đa nguyên. Lãnh đạo của sự thống trị chỉ tồn tại khi có người ủng hộ : chỉ có những người đại diện được cho những lời kêu gọi các giá trị phổ quát mới thu hút được sự ủng hộ. Như thế, chỉ có các quốc gia giàu có – có đỉnh cao kinh tế và công nghệ – mới trở thành nguồn suối để ra tư duy, công nghệ, định chế và cách hành xử cho các nước khác.

Như thế, mặc dù sự thống trị không thể đi cùng với cái nghèo, người ta vẫn có thể có vai trò thống trị ngay cả khi chưa thuộc vào nhóm các quốc gia giàu có. Ngay cả Trung Quốc, vào năm 2030, chỉ thuộc vào nhóm quốc gia có thu nhập trung bình, họ có thể có sự đoàn kết nội bộ, tập trung nguồn lực cho hoạt động ở hải ngoại (ví dụ chi phí quân sự), và sở hữu một số tư duy quốc gia tạo cảm hứng cho các quốc gia khác. Thực tế cho thấy mặc dù ngày nay Trung Quốc còn tương đối có thu nhập bình quân đầu người thấp, nó đã có vai trò thống trị trên một số mặt. Trung Quốc đã thành công trong việc tranh thủ các quốc gia Phi châu mà họ đã đầu tư rất nhiều, đóng cửa các sứ quan Đài Loan tại các nước liên hệ. Với quỹ dự trữ hơn 3.000 tỉ USD, Trung Quốc đã đề nghị mua các món nợ công của Hy Lạp, Ireland, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, để chặn đứng sự hoảng loạn tài chính ở châu Âu. (Thủ tướng Tây Ban Nha, Jose Luis Rodriguez Zapatero đã nói với Chủ tịch Hồ Cẩm Đào : “ *Trung Quốc là bạn tốt nhất của Tây Ban Nha* ”). Trung Quốc biết sử dụng trọng lượng kinh tế của mình để củng cố các quan hệ thương mại và tài chính với châu Á và Mỹ la tinh. Ví dụ thương mại hai chiều giữa các quốc gia này hiện nay được thanh toán bằng đồng nhân dân tệ.

Trên hết mọi thứ, chính sách tỉ giá hối đoái của Trung Quốc đã có ảnh hưởng cho cả thế giới, làm thiệt hại cho các quốc gia đang phát triển cũng như cho nước Mỹ : bằng cách giữ cho đồng nhân dân tệ có giá trị thấp, hàng xuất khẩu của Trung Quốc đã cạnh tranh thuận lợi so với hàng hóa của Bangladesh, Ấn Độ, Mexico hay Việt Nam. Tuy thế, các quốc gia này đều chỉ đứng ngoài lề, để cho Washington tự mình xoay sở trong cuộc cạnh tranh chống Trung Quốc. Và vì vậy nước Mỹ đã không thành công lắm. Cùng lúc, Trung Quốc đã thành công trong việc mua đứt phe đối lập. Mặc dù nhiều quốc gia bực mình vì thấy hàng xuất khẩu của mình gặp khó khăn vì một đồng nhân dân tệ được định giá quá thấp, họ giữ im lặng, hoặc là vì họ sợ sức mạnh cơ bắp của Trung Quốc, hay là vì Trung Quốc hứa hẹn giúp đỡ tài chính hay cơ hội đầu tư. Ngay cả trong nước Mỹ, có ít nhóm chống đối lại Trung Quốc. Trung Quốc là một thị trường lớn cho các công ty Mỹ, do đó chỉ có những nhóm tự do tả khuynh, chứ không phải những nhà tư bản Mỹ, phê phán chính sách tỉ giá của Trung Quốc, dưới danh nghĩa người lao động ở Mỹ.

Ngay cả nếu Trung Quốc không có vẻ tập trung sức lực trong trước mắt để xây dựng các hệ thống và định chế quốc tế giống như người Mỹ đã làm sau Thế chiến II,

Bắc Kinh cũng đã có những hình thức thống trị khác. Ví dụ, họ có thể đòi hỏi các công ty Mỹ và châu Âu chia sẻ công nghệ với các công ty Trung Quốc nếu họ muốn đi vào thị trường Trung Quốc. Và họ có thể đưa ra những chính sách có ảnh hưởng một cách hệ thống, mặc dù bị nhiều nước khác phản đối. Chính sách tỷ giá hối đoái của họ là một chiến lược ăn mỳ hàng xóm cổ điển, làm suy yếu hệ thống thương mại, tài chính của thế giới, cùng lúc tạo điều kiện cho hiện tượng tiền mặt dễ dàng, góp phần vào cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu vừa qua. Sự thống trị của Trung Quốc không gần tới. Nói theo một cách nào đó, nó đã hiện diện.

### **Chết đuối trong con số**

Liệu Mỹ có thể lật ngược thế cờ ? Tương lai kinh tế của Mỹ gây nhều lo ngại : Đất nước này có vấn đề về tài khóa, vấn đề về tăng trưởng, và một số vấn đề có lẽ khó giải quyết nhất : vấn đề giới trung lưu. Những chính sách liên tục cắt giảm thuế và hai cuộc chiến tranh, cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế vào năm 2008-2010, sự tăng cao chi phí hưu trí (nhất là chi phí y tế), và khả năng tiềm ẩn của một núi nợ xấu mà chính phủ phải can thiệp, đã tạo nên sự nghi ngờ nghiêm trọng về cán cân thanh toán của khu vực công. Các món nợ công và tư rất lớn, và thất nghiệp dài hạn sẽ làm giảm khả năng tăng trưởng trong dài hạn. Và sự kết hợp giữa sự trì trệ số thu nhập của giới trung lưu, sự gia tăng bất bình đẳng xã hội, sự suy giảm tính linh hoạt, và gần đây hơn, thiếu vắng triển vọng cho ngay cả sinh viên đại học mới ra trường, đã tạo nên những vấn đề lớn trong phân phối của cải. Giai cấp trung lưu có cảm giác bị vây hãm : họ không muốn đi xuống trong nấc thang chuyên môn, nhưng triển vọng đi lên lại ngày càng bị giới hạn bởi sự cạnh tranh đến từ Ấn Độ và Trung Quốc.

Sức mạnh liên tục của Mỹ dựa vào thái độ dám làm (*can do*) về việc sửa lại nền kinh tế, và niềm tin của người Mỹ vào những điều cơ bản mạnh khỏe của nền kinh tế có thể giúp họ duy trì sự thống trị kinh tế. Đặc biệt nhất là, nước Mỹ đưa ra những cơ hội kinh doanh, “ *vì họ có một văn hóa kinh doanh thuận lợi, một nền công nghiệp trưởng thành nhất về (tiền vốn) đầu tư rủi ro, quan hệ mật thiết giữa đại học và công nghiệp, và một chính sách di trú cởi mở* ”. Đó là nhận xét của Global Entrepreneurship Monitor (Tổ chức theo dõi kinh doanh toàn cầu), một tổ chức nghiên cứu hoạt động kinh doanh toàn cầu. Trong một nghiên cứu 2009, GEM đã đánh giá Mỹ đứng đầu thế giới trong việc tạo ra cơ hội kinh doanh. Hầu hết những công ty lớn đã thành công trong việc bộc phá công nghệ trong 3 thập kỷ vừa qua (Apple và Microsoft, Google và Facebook) đã được thành lập và hoạt động ở Mỹ. Thực tế mà nói, chính nhờ vào việc tìm ra các nguồn lực mới và năng động cần thiết cho sự tăng trưởng vào thập kỷ 1990 mà Mỹ đã chống cự lại được thách thức của Nhật Bản vào lúc bấy giờ. Ngày nay, những người lạc quan cho rằng Mỹ có thể lập lại kinh nghiệm này đối với Trung Quốc. Nếu kinh tế Mỹ tăng trưởng đều đặn, theo mức 3,5% mỗi năm, trong suốt 20 năm tới, như họ đã làm trong thập kỷ 1990, sự tin tưởng của nhà đầu tư vào đồng đô la như là một đồng tiền dự trữ, sẽ được nâng cao.

Nhưng có một số điểm khác biệt lớn ngày nay làm sụp đổ niềm hy vọng đó. Nước Mỹ vào những năm 1990 có rất ít nợ công so với số nợ công trong tương lai của Mỹ. Vào những năm 1990, tỷ lệ nợ công so với GDP là 42%, trong khi đó tỷ lệ này cho năm 2020 được Văn phòng Ngân sách Quốc hội tiên đoán sẽ là gần 100%. Vị thế của Mỹ tại nước ngoài cũng ít bị nguy hiểm hơn trong 20 năm về trước. Ví dụ, năm

1990, nợ công do người nước ngoài nắm giữ chỉ có 19%, ngày nay nó gần bằng 50% GDP, và phần lớn nằm trong tay Trung Quốc. Vào những năm 1990 nước Mỹ còn nằm xa hạn kỳ mà nó phải đối mặt với vấn đề chi phí rất cao cho hưu bổng.

Rồi còn có giới trung lưu bị vây hãm. Trong 20 năm qua, có nhiều “ bệnh tật ” đã o ép giới trung lưu ở Mỹ : Ví dụ như mức thu nhập trì trệ, đã trở nên đông cứng, và ngày nay khó sửa đổi. Ngay cả với mức tăng trưởng 3,5%, mức này có thể quá cao so với kỳ vọng, có lẽ cũng không thỏa đáng để duy trì sự tin tưởng vào mô hình của Mỹ, với đặc tính là nuôi được niềm hy vọng cho nhiều người về một tương lai tươi sáng hơn.

Nói cách khác, nước Mỹ không thể thoát khỏi cái lô gích của vấn đề dân số, và cái thực tế là nhiều quốc gia nghèo, trong đó có Trung Quốc, đang đuổi kịp nó. Trung Quốc, với dân số lớn gấp 4 lần nước Mỹ, sẽ trở thành một nền kinh tế lớn hơn Mỹ ngay khi mức sống của người dân cao bằng 1/4 mức sống của người Mỹ. Theo một số tính toán nào đó, điều này đã xảy ra, và vì Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng, sự cách biệt giữa hai nền kinh tế ngày càng mở rộng. Một nước Mỹ hồi sinh may ra sẽ làm chậm lại quá trình cách biệt, nhưng nó không có khả năng ngăn cản nó. Tăng trưởng 3,5%, thay vì 2,5%, trong 20 năm tới, may ra có thể làm tăng thành tựu kinh tế, ổn định xã hội, và thái độ tự hào dân tộc của người Mỹ. Nhưng nó không làm thay đổi đáng kể vị trí tương đối của nó so với Trung Quốc, lúc đó có độ tăng trưởng 7% mỗi năm.

Sự dự phóng này làm suy yếu niềm tin của nhiều người hiện nay là sự nổi trội kinh tế của Mỹ sẽ có nhiều điều để mất. Nhưng chính là hành động của Trung Quốc sẽ quyết định rất nhiều vào sự khác biệt về tăng trưởng giữa hai quốc gia là nhiều hay ít. Ví dụ, Trung Quốc có thể tăng trưởng chậm lại hoàn toàn nếu họ để cho bong bóng tài sản nẩy nở, hay là nếu họ không ngăn chặn được những đảo lộn chính trị. Hay là họ có thể lao tới phía trước nếu họ sửa chữa được những méo mó kinh tế hiện hữu, nhất là loại bỏ chiến lược xây dựng nhu cầu tiêu dùng trong nước. Phạm vi hành động của Mỹ bị giới hạn hơn. Nếu nước Mỹ có vẻ khó xảy ra tăng trưởng dưới dạng 2% - 2,5%, thì nó lại càng có vẻ khó đạt được mức 3,5%. Đây là ranh giới của sự phát triển kinh tế : kể cả khả năng vượt quá thấp hay quá cao hơn mức này đều bị hạn chế. Ngay cả nếu Mỹ tăng trưởng nhanh. Ví dụ 3,5%, các quốc gia khác, kể cả Trung Quốc, có thể tăng trưởng nhanh hơn thế, làm cho hình ảnh căn bản về quyền lực kinh tế tương đối giữa các quốc gia không thay đổi. Thật ra, khi tốc độ phát triển công nghệ của các quốc gia đầu đàn, như Mỹ, tăng nhanh, những công nghệ mới này sẽ nhanh chóng lan tràn qua các quốc gia nghèo hơn, lại cung cấp cho các nước này một kích thích tăng trưởng mới. Vấn đề quan trọng hơn cả sản xuất công nghệ mới là có nguồn lực con người và khả năng sử dụng họ. Theo báo cáo của Quỹ Khoa học Quốc gia Mỹ (National Science Foundation) vào năm 2006, số lượng sinh viên kỹ sư đại học ở Trung Quốc đã gấp đôi số lượng ở Mỹ. Sự sai biệt này có vẻ ngày càng tăng. Mặc dù hệ thống giáo dục ở Trung Quốc dở hơn ở Mỹ, Trung Quốc hiện đang ở vị thế có thể du nhập được dễ dàng các ngành công nghệ mới. Vào năm 2002, các báo cáo khoa học ở Mỹ nhiều gấp 6 lần các báo cáo ở Trung Quốc. nhưng qua năm 2008, số này giảm xuống còn 2,5 lần. Khả năng của các quốc gia giàu có đứng đầu danh sách tăng trưởng là rất giới hạn, vì Trung Quốc có khả năng du nhập và sử dụng các công nghệ mới. Sự tinh vi công nghệ của Trung Quốc ngày càng tăng : các nước Mỹ, châu Âu, Nhật Bản xuất khẩu rất ít mặt hàng mà Trung Quốc không xuất khẩu được. Nói chung, nếu tăng trưởng của Mỹ

chậm lại, sự tăng trưởng của Trung Quốc sẽ không bị hề hấn gì cả. Nhưng nếu tăng trưởng của Mỹ gia tốc, thì tăng trưởng của Trung Quốc cũng gia tốc theo. Cả hai đang, nước Mỹ đều không tránh khỏi.

### **Trở lại chuyện kênh đào Suez**

Ngay cả một nước Mỹ hồi sinh cũng không có đủ quyền lực và ảnh hưởng trên sự nổi lên của Trung Quốc. Trung Quốc đã có khả năng làm những điều mà các nước còn lại trên thế giới không muốn họ làm. Liệu sau này họ có khả năng sai khiến nước Mỹ phải làm những điều mà nước Mỹ không muốn làm ? Liệu có xảy ra một cuộc khủng hoảng mới loại kênh đào Suez không ?

Năm 1956, vì Ai Cập phong tỏa kênh đào Suez, đồng bảng Anh bị đe dọa mất giá, chính phủ Vương quốc Thống nhất Anh quay sang vay nợ Mỹ, với lý do là giữa hai nước Anh Mỹ có “ mối quan hệ đặc biệt ”. Nhưng Tổng thống Mỹ Dwight Eisenhower từ chối. Ông tỏ ra giận dữ khi thấy quân Anh (và Pháp) tấn công Ai Cập sau khi Tổng thống Gamal Nasser quốc hữu hóa kênh đào Suez. Vì lúc đó ông đang mở chiến dịch tái tranh cử với danh nghĩa là người của hòa bình, người đã có công chấm dứt chiến tranh Triều Tiên. Ông yêu cầu chính phủ Anh phải tuân theo một nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc (do Mỹ đỡ đầu) đòi hỏi quân Anh phải rút lui ngay lập tức khỏi Ai Cập. Nếu không nghe, người Mỹ sẽ chặn các nguồn tài chính từ Quỹ Tiền tệ Quốc tế. Nếu họ nghe lời, họ sẽ được cho vay một số tiền lớn. Nước Anh đã phải chấp nhận nghị quyết, rút quân và nước Mỹ đã cung cấp cho nước Anh một món tiền lớn, kể cả tiền vay từ xưa đến nay chưa từng có của IMF, là 1.3 tỉ USD, và 500 triệu USD từ Ngân hàng xuất nhập khẩu của Mỹ.

Bây giờ, các bạn hãy tưởng tượng nước Mỹ trong một tương lai không xa, dù đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng 2008-2010, nhưng còn bẽ bộn với những khó khăn về cơ cấu: Số thu nhập giàu nghèo ngày càng cách biệt, một tầng lớp trung lưu bị gò ép, và sự linh hoạt kinh tế xã hội đang giảm dần. Hệ thống tài chính của nó còn mong manh, giống như những ngày trước khủng hoảng, và chính phủ phải lo giải quyết chi phí tăng cao của tiền hưu bổng, và tẩy rửa những món nợ xấu trong hệ thống tài chính. Lạm phát trở thành vấn đề lớn của cả thế giới vì giá cả nguyên liệu tăng cao, kết quả của sự tăng trưởng nhanh tại các nền kinh tế mới nổi.

Tương tự như năm 1956, lúc người ta nghi ngờ là Washington đã vận động bán tổng tháo đồng sterling trên thị trường New York để ép buộc người Anh rút hết quân khỏi kênh đào Suez, bây giờ người ta cũng đồn đại là Trung Quốc đang tập trung sức lực tài chính. Họ đã ngán ngẩm về sự hiện diện của hải quân Mỹ ở Thái Bình Dương – Bắc Kinh bắt đầu bán một số ngoại tệ trong Quỹ dự trữ của họ. Các nhà đầu tư phân vân, họ lo ngại là đồng đô la có thể sụp đổ, và thị trường công trái quay lưng lại chính phủ Mỹ. Việc Mỹ mất hạng tín dụng AAA. Các buổi phát hành trái phiếu của Bộ Tài chính Mỹ không có người mua. Để duy trì niềm tin, Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) nâng cao lãi suất. Lãi suất cao hơn độ tăng trưởng khá nhiều. Chính phủ Mỹ cần một nguồn tài chính giá rẻ (lãi suất thấp). Nó quay sang vay tiền các nước xuất khẩu dầu hỏa. Nhưng những nhà quý phái thân hữu ngày xưa đã bị thay thế bởi những nhà dân chủ không theo chủ nghĩa tự do, và thuộc đủ mọi thành phần Hồi giáo, từ ôn hòa tới quá khích, và ai cũng còn nhớ tới những sự can thiệp của Mỹ ở Trung Đông. Giống

như Hy Lạp, Ireland, Bồ Đào Nha trong thời gian gần đây, nước Mỹ phải quay qua vay tiền IMF. Nếu Mỹ không trả được nợ, thì vai trò toàn cầu của Mỹ cũng biến mất.

Vào lúc đó, Trung Quốc đã trở thành chủ ngân hàng lớn nhất thế giới từ năm 2000, cầm trịch tại IMF. Mặc dù Trung Quốc cũng nghĩ là cần có sự cứu nguy của IMF cho nước Mỹ, nhưng đưa ra một điều kiện tiên quyết : Nước Mỹ phải rút hạm đội ra khỏi Tây Thái Bình Dương. Đòi hỏi này nghiêm trọng, vì Trung Quốc là người đóng góp nhiều tiền cho IMF và đã giúp đỡ rất nhiều thành viên của IMF, có khả năng dễ dàng chặn mọi yêu cầu vay nợ của nước Mỹ. Lúc đó, có thể Trung Quốc có cả quyền phủ quyết tại IMF, nhờ vào cải tổ cơ cấu kinh tế năm 2018.

Có người sẽ nói kịch bản này hoàn toàn giả tưởng. Dù sao, nước Mỹ cũng có thể dễ dàng chặn nguồn tài trợ nước Anh vào năm 1956, vì làm như vậy sẽ không có ảnh hưởng gì lên đồng đô la hay lên nền kinh tế Mỹ. Nhưng nếu giả dụ vào ngày mai, Trung Quốc bán, hay chỉ giản dị ngưng mua trái phiếu của Mỹ, giá trị đồng đô la sẽ giảm, và giá đồng nhân dân tệ sẽ tăng. Đó là điều mà chính phủ Trung Quốc đã kiên định ngăn chặn. Trung Quốc không muốn giảm nhẹ chính sách tăng trưởng trọng thương của họ, và phải chịu nguy hiểm cho quỹ dự trữ ngoại tệ của họ bị mất giá. Có người lại cho rằng ngay cả nếu Trung Quốc muốn làm như vậy, nếu nền kinh tế Mỹ suy sụp, FED sẽ hoàn toàn sung sướng thu mua lại bất cứ công trái nào của Mỹ do Trung Quốc bán tháo ra.

Nhưng trong tương lai, ý muốn của Trung Quốc có lẽ sẽ thay đổi. Mười năm tới, Trung Quốc có lẽ ít muốn duy trì một đồng nhân dân tệ yếu. Nếu họ tiếp tục từ từ quốc tế hóa đồng tiền của họ, khả năng duy trì một đồng nhân dân tệ yếu sẽ biến mất. Và khi họ làm như vậy, sức mạnh của Trung Quốc đè lên nước Mỹ sẽ rất đáng kể. Vào năm 1956, các nhà tài phiệt của nước Anh tản mạn trong cả hai khu vực công và tư. Nhưng ngày nay, chính phủ Trung Quốc là nhà cung cấp tài chính lớn nhất cho nước Mỹ. Họ nắm giữ rất nhiều công trái và tài trợ cho thiếu hụt ngân sách của Mỹ. Quyền định đoạt tập trung trong tay Bắc Kinh.

Đĩ nhiên, triển vọng phá giá đồng đô la có lẽ ít đau đớn cho nước Mỹ hơn là triển vọng phá giá đồng sterling cho nước Anh vào 1956. Vào lúc đó, sự phá giá đồng sterling sẽ gây ra mất mát rất lớn cho tiền tệ của các cựu thuộc địa của Anh vì những quốc gia này nắm giữ nhiều tài sản theo mệnh giá bằng sterling. Các thuộc địa này có thể bán các tài sản đó, làm yếu đi quan hệ kinh tế giữa họ với Vương quốc Thống nhất. Chính phủ Anh phải ngăn chặn việc này với mục đích là bảo vệ Đế quốc Anh. Nhưng phá giá đồng đô la ngày nay sẽ không tạo ra nhiều vấn đề, một phần bởi vì tiền nợ của Hoa Kỳ đối với nước ngoài lại có mệnh giá bằng đô la (mà Hoa Kỳ có thể in thêm bao nhiêu cũng được).

Ngày nay, khó mà thấy lập lại một khủng hoảng kiểu Suez. Nhưng tình hình kinh tế hiện tại của Hoa Kỳ làm cho những cơ bản của nền kinh tế quốc gia yếu hẳn hơn, trước sự thống trị chắc chắn của Trung Quốc. Trong cuộc khủng hoảng Suez, nước Anh đã nằm trong thế yếu, không phải chỉ vì có nợ nần quá nhiều và kinh tế quá yếu, mà còn vì lúc đó có một đại cường khác đang nổi lên. Ngày nay, ngay cả nếu Hoa Kỳ có một nền kinh tế cơ cấu yếu, sự nghiệp ngập nợ nần đó đã làm cho đất nước phải phụ thuộc vào nước ngoài, và triển vọng tăng trưởng quá yếu kém, một đại cường cạnh tranh khác cũng đã nổi lên. Trung Quốc có thể không phải hoàn toàn là một đối thủ, nhưng nó cũng không là đồng minh của Mỹ. Sự tiên đoán của Mac Millan cho



rằng nước Mỹ sẽ suy tàn sau “ 200 năm ” đã làm lệch lạc sự diễn nghĩa về lịch sử : nó dự báo sự thống trị của nước Mỹ sẽ kéo dài, cũng như nước Anh trước kia đã từng được hưởng. Nhưng Trung Quốc có thể làm tăng tốc lịch sử và làm cho nước Mỹ phải suy tàn sớm hơn là Mac Millan dự đoán, và sớm hơn dự đoán hiện nay của rất nhiều người.

**Subramanian**

*Chuyên gia nghiên cứu của Viện Peterson  
về Chính sách kinh tế quốc tế  
(Peterson Institute on International Economics)  
Thành viên của Trung tâm Phát triển Toàn cầu  
(Center for Global Development)*

(1) **Barry Eichengreen** : (sinh năm 1952), kinh tế gia, giáo sư Đại học California ở Berkeley. Cố vấn cho IMF 1997-1998, nhưng sau đó chỉ trích chính sách của IMF.

Viết sách *Golden fetters: The gold standard and the great depression 1919-1939* (Cái cùm bằng vàng : Kim bản vị và cuộc Đại khủng hoảng 1919-1939). Được Ben Bernanke nghiên cứu trước khi làm chủ tịch FED.